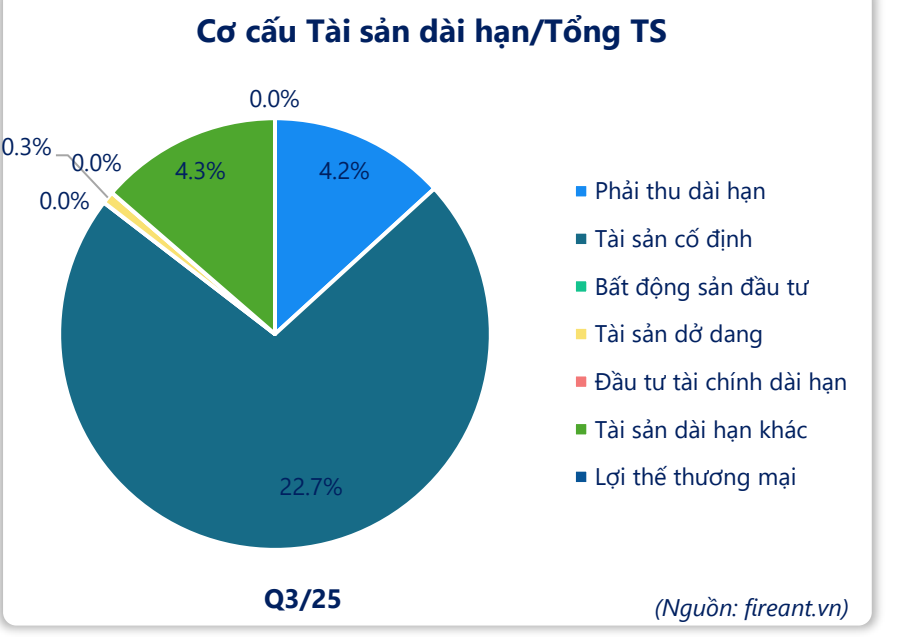
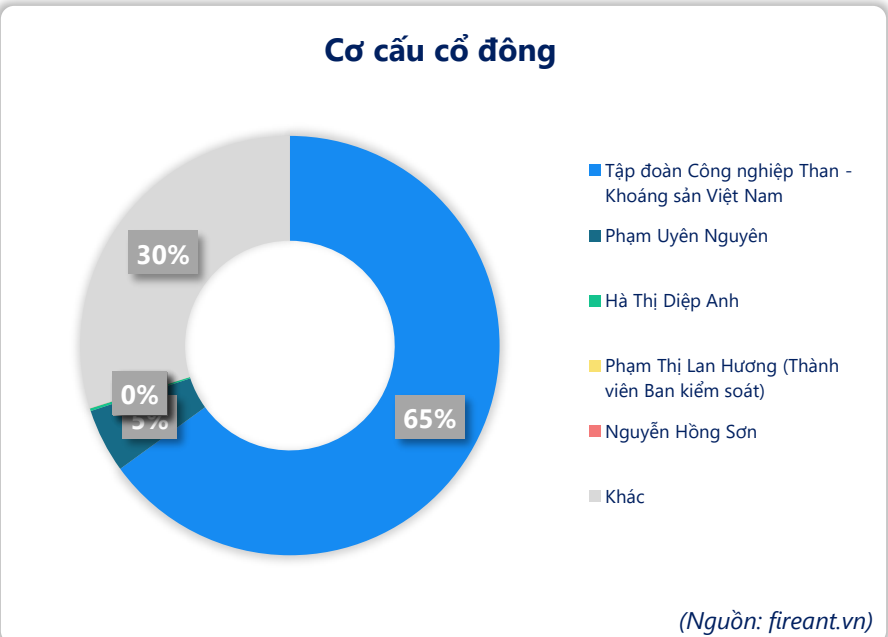
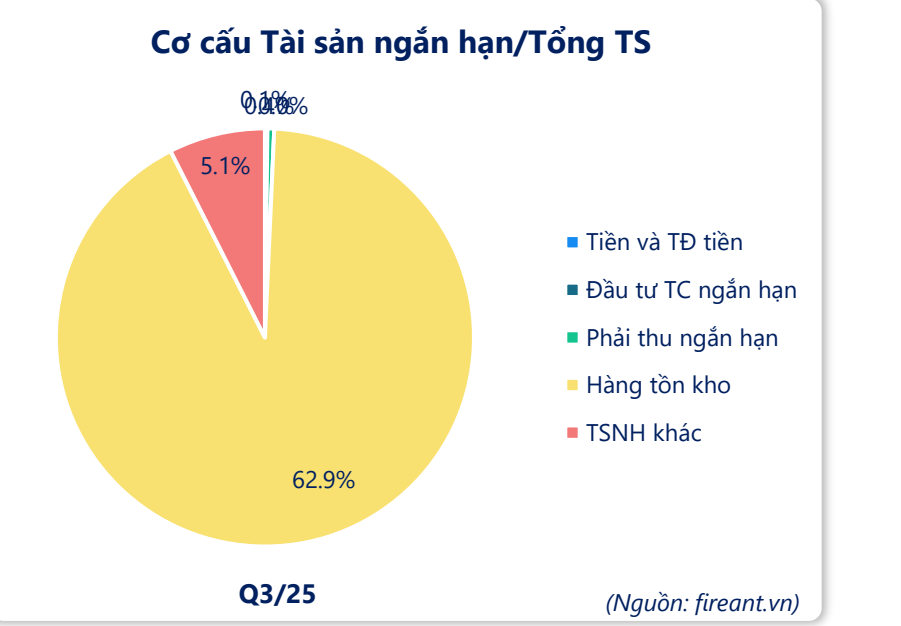
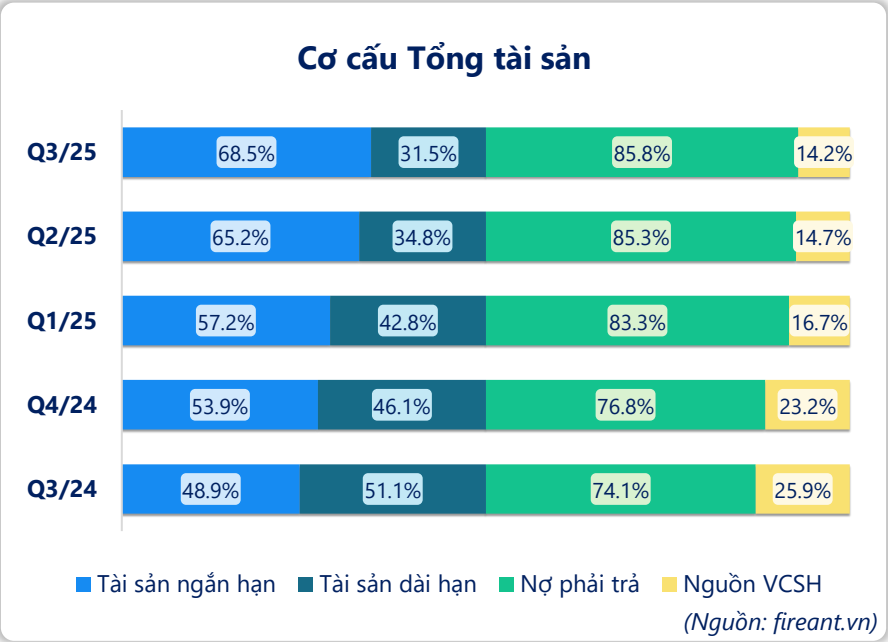
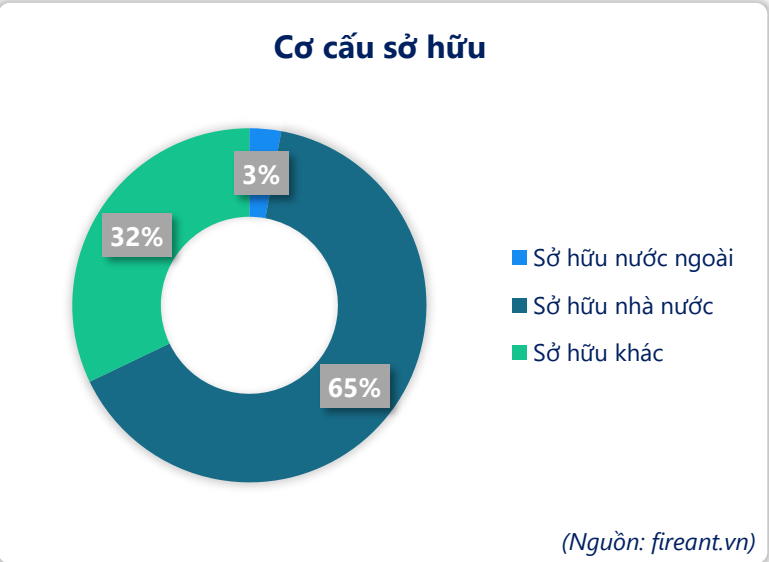
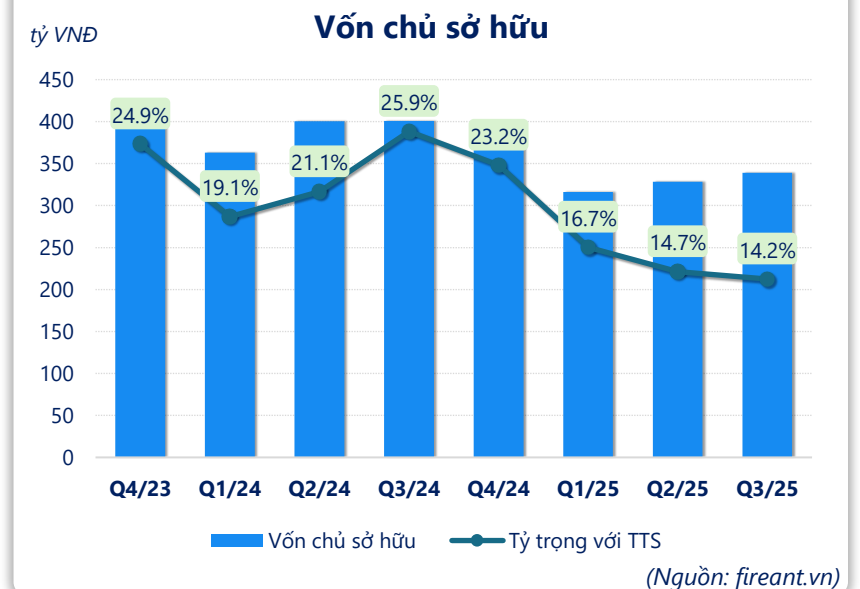
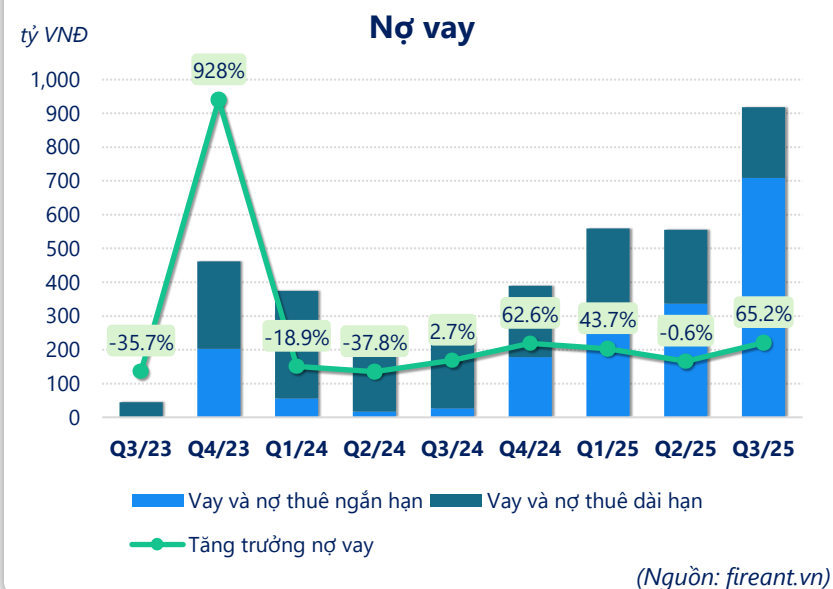
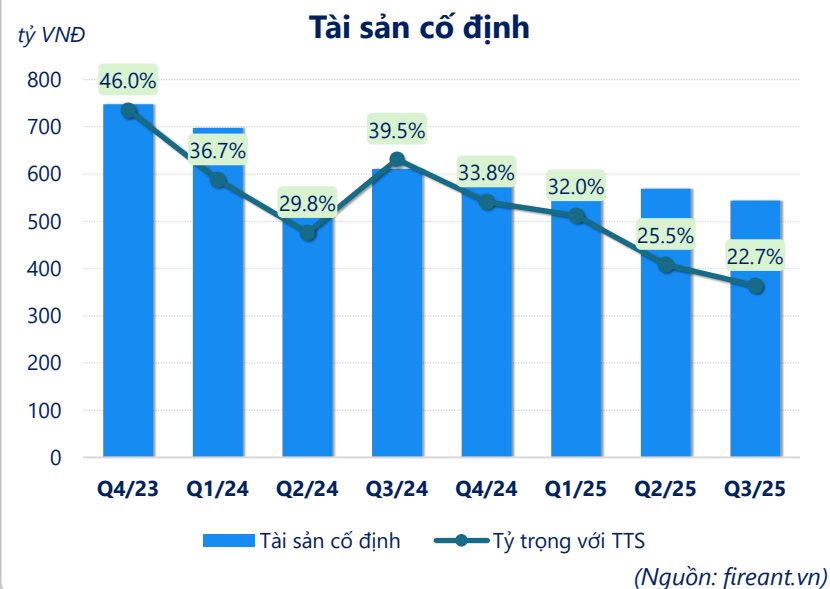
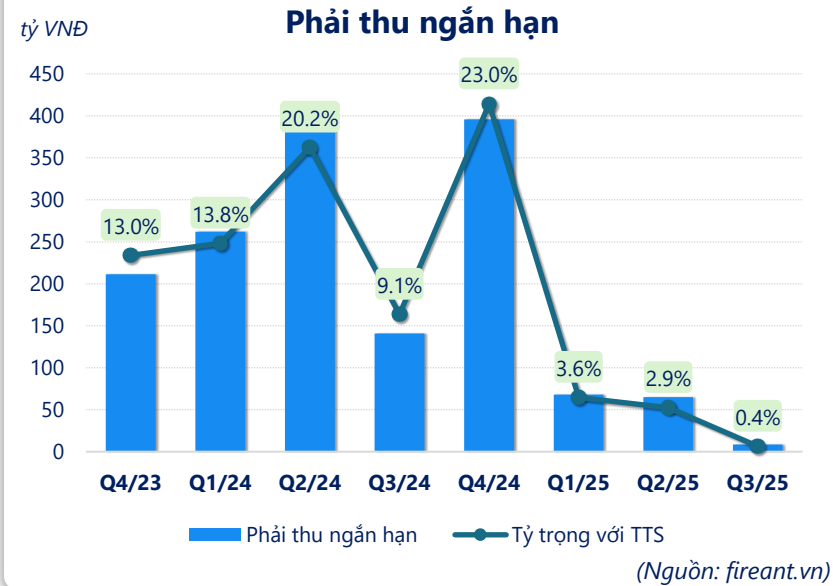
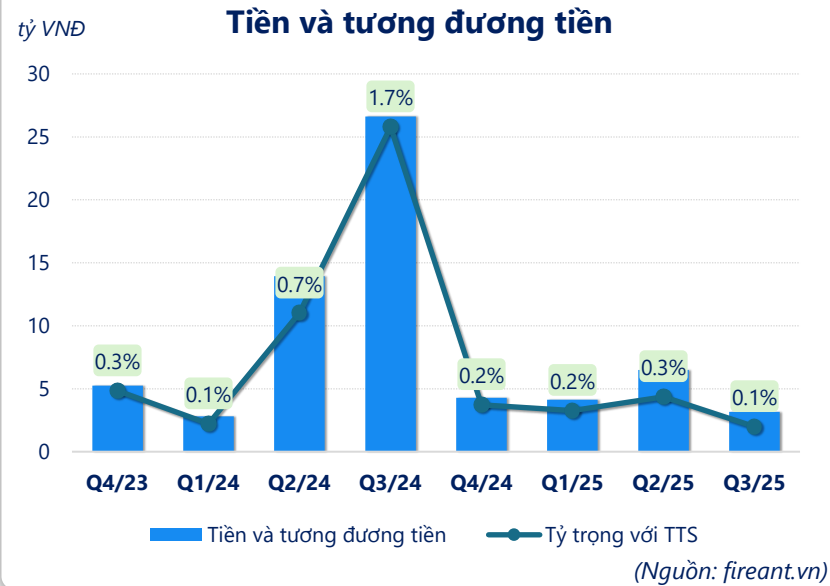
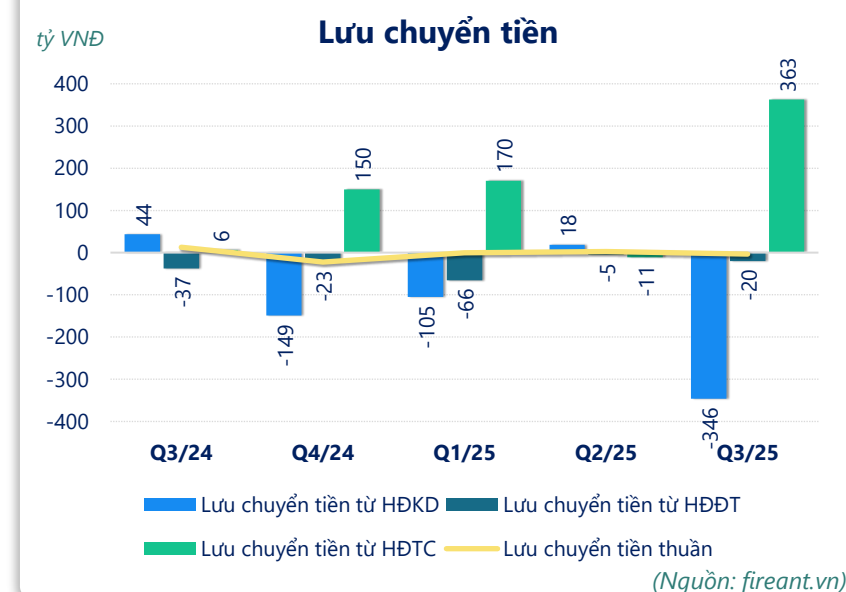
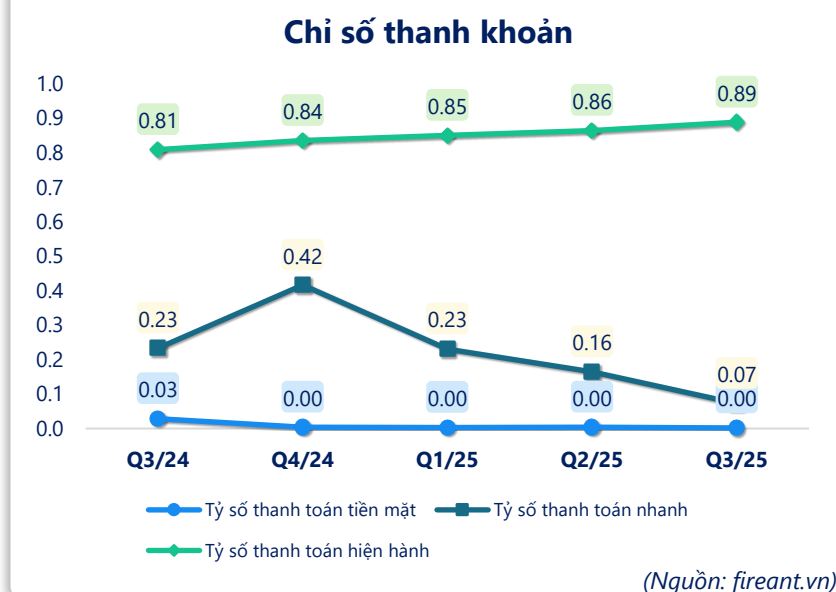
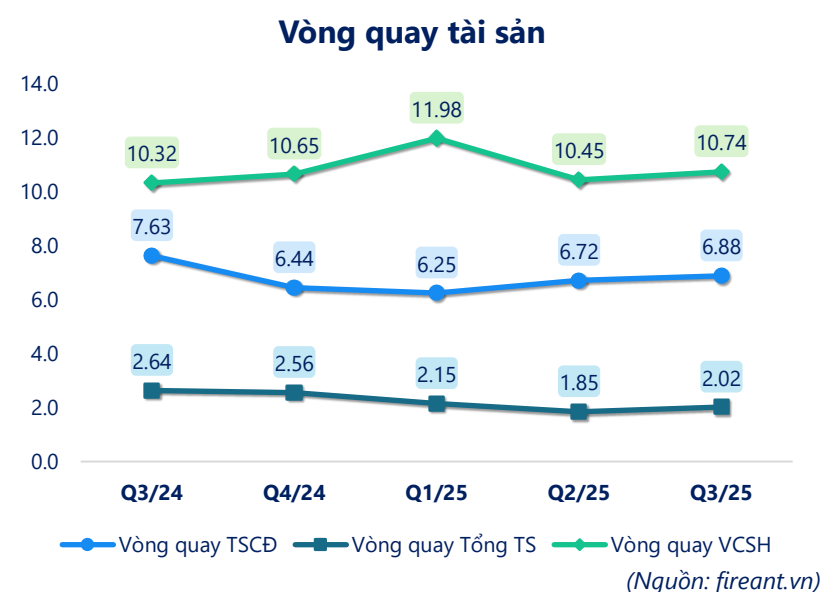
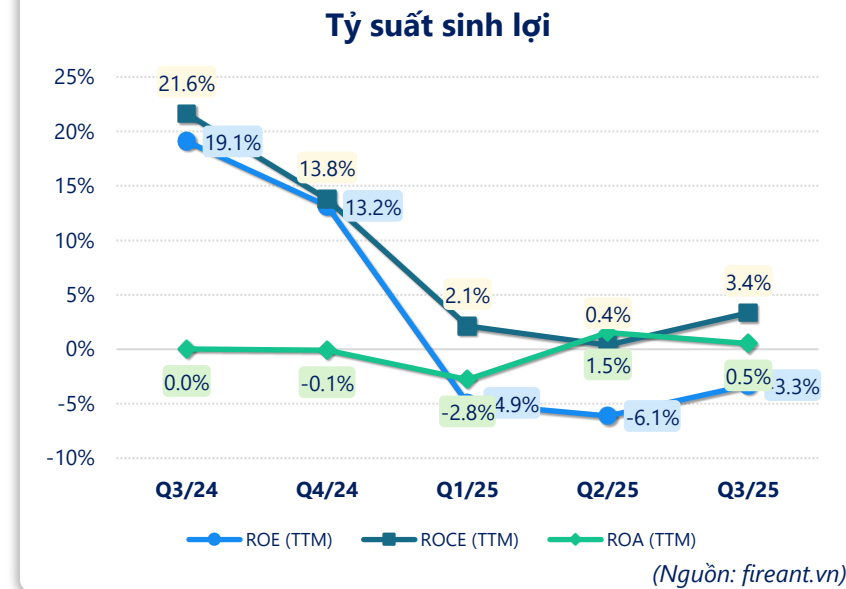
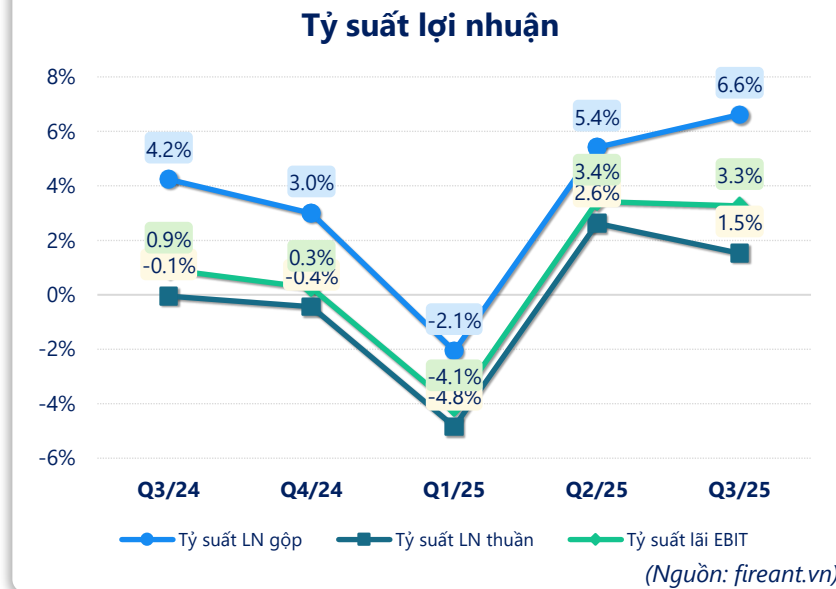
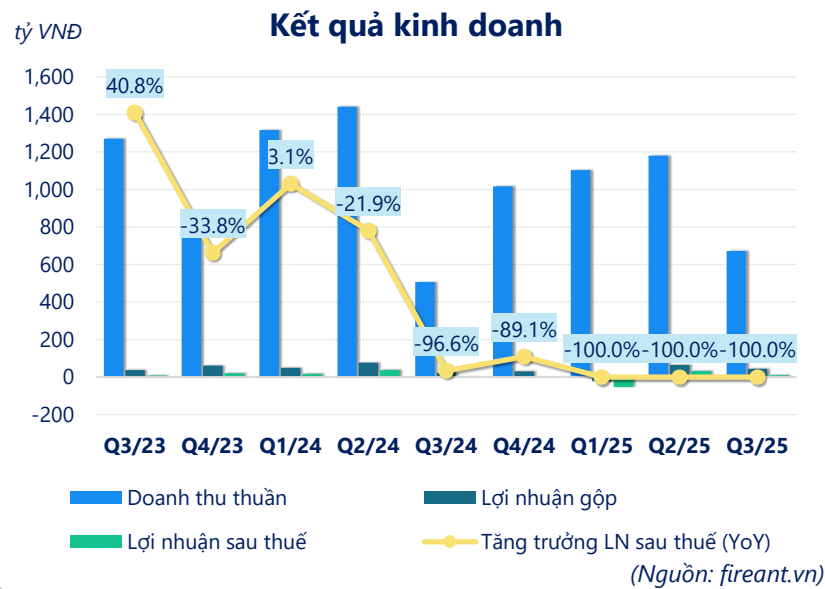


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		24,569,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,150
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		201
P/E		-16.6
EPS		-495

	YTD	1T	3T	6T
THT	-29.8%	-1.2%	-1.2%	-26.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,393	1,566	52.8%
Tài sản ngắn hạn	1,639	776	111%
Tiền và tương đương tiền	3.17	4.28	-26.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.55	225	-96.2%
Hàng tồn kho	1,505	480	214%
Tài sản ngắn hạn khác	122	67.9	80.0%
Tài sản dài hạn	753	790	-4.6%
Phải thu dài hạn	99.6	97.3	2.4%
Tài sản cố định	544	582	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.01	4.45	57.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	103	107	-3.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,054	1,198	71.5%
Nợ ngắn hạn	1,845	987	86.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	709	179	297%
Phải trả người bán ngắn hạn	840	667	25.9%
Nợ dài hạn	209	211	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	209	211	-0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	339	369	-8.1%
Vốn chủ sở hữu	339	369	-8.1%
Vốn điều lệ	246	246	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	507	1,017	1,103	1,180	672
Giá vốn hàng bán	486	986	1,126	1,116	628
Lợi nhuận gộp	21.5	30.4	-22.8	63.8	44.5
Doanh thu HĐTC	0.71	0.70	0.70	0.70	0.70
Chi phí TC	4.36	4.59	7.12	8.69	11.5
Chi phí lãi vay	4.36	4.59	7.12	8.69	11.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.47	2.63	2.43	2.63	2.14
Chi phí QLDN	16.6	28.3	21.8	22.3	21.3
LN thuần từ HĐKD	-0.27	-4.45	-53.4	30.9	10.2
Lợi nhuận khác	0.62	2.51	0.77	0.77	0.18
LN trước thuế	0.35	-1.94	-52.6	31.7	10.4
Lợi nhuận sau thuế	0.28	-1.66	-52.6	31.7	10.4
LNST của CĐ cty mẹ	0.28	-1.66	-52.6	31.7	10.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.7	-149	-105	18.2	-346
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.2	-22.9	-65.5	-5.00	-19.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.18	150	170	-10.8	363
Tiền đầu kỳ	13.9	26.6	4.28	4.11	6.49
Lưu chuyển tiền thuần	12.7	-22.3	-0.17	2.37	-3.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.6	4.28	4.11	6.49	3.17

(Nguồn: fireant.vn)